TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 382/2026/HS-ST
Ngày 14 - 7 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Nhựt.

Bà Võ Thị Thanh Thu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ung Tuấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh*** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 231/2026/TLST-HS ngày 26/03/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2026/QĐXXST-HS ngày 22/5/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức N** (tên gọi khác: không); sinh ngày 08 tháng 4 năm 2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân số 079202036610, cấp ngày 27/10/2022, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C1; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: số H đường L, ấp X, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Như L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2025.

(Bị cáo có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại* Trần Văn T - bà Trần Lâm Kim C, sinh năm 1992; nơi đăng ký cư trú: số B đường P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 14 tháng 9 năm 2025, Nguyễn Đức N cùng Nguyễn Văn S đến nhà bạn tại địa chỉ B đường I, ấp B, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh uống rượu, bia. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 59Y1-956.58, dung tích xi lanh 113 cm³, chở S ngồi phía sau, lưu thông trên đường P theo hướng từ cầu A về Khu công nghiệp T. Đây là chiều ngược với chiều lưu thông cho phép trên phần đường mà N đang đi.

Khi đến khu vực trước cơ sở sơn mài Q, gần trụ điện ký hiệu T037L thuộc ấp T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh, trong lúc vừa điều khiển xe vừa nói chuyện với S, N không chú ý quan sát nên phần phía trước bên phải xe 59Y1-956.58 va chạm với phần phía trước bên phải xe mô tô biển số 52T6-9006 do ông Trần Văn T điều khiển theo hướng từ Khu công nghiệp T về cầu A. Sau va chạm, ông T ngã xuống đường, bất tỉnh; N và S bị thương nhẹ.

Ngay sau tai nạn, N cùng S sử dụng xe mô tô biển số 59Y1-956.58 đưa ông T đến Bệnh viện Đ cấp cứu; xe mô tô biển số 52T6-9006 được người dân đưa theo sau và gửi tại bệnh viện. Do thương tích nặng, gia đình xin đưa ông T về nhà; đến 20 giờ 30 phút ngày 16 tháng 9 năm 2025, ông T tử vong.

Kết luận giám định tử thi số 5491-25/KL-KTHS ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Phòng K Công an Thành phố H xác định ông Trần Văn T bị xuất huyết dưới nhện, xuất huyết trong nhu mô não, xuất huyết trong thân não và não thất hai bên; nguyên nhân chết là chấn thương sọ não; trong máu không tìm thấy ma túy.

Kết luận giám định dấu vết va chạm số 4728/KL-KTHS ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định dấu vết phía trước bên phải xe mô tô biển số 59Y1-956.58 phù hợp với dấu vết phía trước bên phải xe mô tô biển số 52T6-9006; khi va chạm, xe 52T6-9006 chuyển động theo hướng từ Khu công nghiệp T về cầu A, còn xe 59Y1-956.58 chuyển động theo hướng ngược lại; không đủ cơ sở xác định tốc độ của hai xe tại thời điểm xảy ra tai nạn.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn xác định trong hơi thở của Nguyễn Đức N có nồng độ cồn 155,8 mg/100 ml khí thở. Nguyễn Đức N không có giấy phép lái xe theo quy định. Hành vi điều khiển phương tiện khi có nồng độ cồn, không có giấy phép lái xe, đi ngược chiều và không chú ý quan sát của N đã vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Đối với xe mô tô biển số 59Y1-956.58: kết quả xác minh đăng ký xe thể hiện chủ xe là bà Nguyễn Thị Như L, mẹ ruột của bị cáo; xe nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu trắng xanh, số máy E3S1E048726, số khung

RLCUE1340GY019973. Bà L khai không giao xe cho N sử dụng vì biết N chưa có giấy phép lái xe; ngày xảy ra vụ án, N tự ý lấy chìa khóa và sử dụng xe. Kết luận giám định số 4729/KL-KTHS xác định không phát hiện dấu vết cắt, hàn, mài, đục tại vị trí đóng số khung, số máy; số khung, số máy không thay đổi. Sau khi hoàn tất việc giám định và xét thấy việc tiếp tục tạm giữ không còn cần thiết, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý và ngày 17 tháng 3 năm 2026 trả lại xe cho bà Nguyễn Thị Như L.

Đối với xe mô tô biển số 52T6-9006: kết quả xác minh đăng ký xe thể hiện người đứng tên đăng ký là ông Đinh Duy Tuấn T1. Ông T1 khai đã bán xe từ khoảng năm 2015 nhưng không làm thủ tục sang tên và không còn quản lý, sử dụng. Bà Trần Lâm Kim C khai chiếc xe là tài sản ông Trần Văn T mua lại để sử dụng đi lại và đề nghị nhận lại xe, cam kết không có tranh chấp. Kết luận giám định số 4729/KL-KTHS xác định xe có số khung RLHHC09016Y565218, số máy HC09E-6565338, không phát hiện dấu vết cắt, hàn, mài, đục tại vị trí đóng số khung, số máy. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý và ngày 05 tháng 12 năm 2025 trả lại xe cho bà Trần Lâm Kim C; người nhận xe không khiếu nại.

Về trách nhiệm dân sự, gia đình bị cáo đã đến thăm hỏi, phúng điếu và giao cho gia đình ông Trần Văn T số tiền 20.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bà Trần Lâm Kim C chưa yêu cầu số tiền bồi thường cụ thể và đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, bà C, là đại diện hợp pháp của bị hại theo ủy quyền, yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 100.000.000 đồng, xác nhận đã nhận 20.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 80.000.000 đồng; ngoài khoản tiền này gia đình bị hại không yêu cầu gì khác. Bị cáo tự nguyện đồng ý toàn bộ yêu cầu của gia đình bị hại, và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số 318/CT-VKS.KV8 ngày 25 tháng 3 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Đức N về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, 2024, 2025 (sau đây được viết là Bộ luật Hình sự)

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 giữ nguyên quyết định truy tố; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, đề nghị áp dụng điểm a, điểm b khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù;

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: đề nghị ghi nhận bị cáo đã bồi thường 20.000.000 đồng và buộc bị cáo tiếp tục bồi thường theo yêu cầu hợp pháp của đại diện bị hại.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm ổn định đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý tại Cơ quan cảnh sát điều tra theo đúng quy định.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn S về việc hai người đã uống rượu, bị cáo điều khiển xe biển số 59Y1-956.58 đi ngược chiều và không chú ý quan sát; phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị Như L về nguồn gốc xe và việc bị cáo tự ý lấy xe; phù hợp với lời khai của bà Trần Lâm Kim C, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định tử thi, kết luận giám định dấu vết va chạm, kết quả kiểm tra nồng độ cồn và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án.

[3] Kết luận giám định dấu vết va chạm xác định hướng chuyển động của hai xe ngược chiều nhau và dấu vết ở phía trước bên phải của hai phương tiện phù hợp với cơ chế va chạm. Khu vực xảy ra tai nạn không có chướng ngại vật, tầm nhìn không bị hạn chế; không có tài liệu thể hiện ông Trần Văn T có lỗi làm phát sinh tai nạn. Việc bị cáo điều khiển xe đi ngược chiều, trong tình trạng có nồng độ cồn, không có giấy phép lái xe và không chú ý quan sát là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến va chạm và hậu quả ông T tử vong do chấn thương sọ não. Như vậy, có đủ căn cứ xác định Nguyễn Đức N đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại tính mạng cho người khác, đồng thời thuộc trường hợp không có giấy phép lái xe theo quy định và trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ và quyền được bảo vệ tính mạng của công dân. Bị cáo biết bản thân chưa được cấp giấy phép lái xe, đã sử dụng rượu, bia và nhận thức việc đi ngược chiều là nguy hiểm nhưng vẫn điều khiển phương tiện tham gia giao thông, sau đó còn thiếu chú ý quan sát. Bị cáo thực hiện nhiều hành vi vi phạm quy tắc bảo đảm an toàn giao thông và gây hậu quả làm một người tử vong, nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo không bỏ mặc bị hại mà cùng ông Nguyễn Văn S đưa ông T đi cấp cứu; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận trách nhiệm, thể hiện sự ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường 20.000.000 đồng cho gia đình bị hại, tại phiên tòa bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường 80.000.000 đồng theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại. Bà Trần Lâm Kim C trực tiếp tham gia phiên tòa, xác nhận việc bồi thường đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từ những tình tiết nêu trên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị này có căn cứ về tội danh, khung hình phạt và sự cần thiết phải áp dụng hình phạt tù. Tuy nhiên, việc quyết định mức hình phạt cụ thể phải được cá thể hóa trên cơ sở tính chất, mức độ hành vi, hậu quả, nhân thân và toàn bộ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; sau tai nạn đã tích cực đưa bị hại đi cấp cứu, gia đình tự nguyện bồi thường một phần, bị cáo thừa nhận và cam kết thực hiện phần nghĩa vụ còn lại; đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị giảm nhẹ. Hành vi phạm tội thuộc trường hợp lỗi vô ý, không xuất phát từ động cơ vụ lợi hoặc ý thức coi thường tính mạng người khác. Mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù vẫn cao hơn mức khởi điểm của khung hình phạt, thể hiện sự nghiêm khắc tương xứng với việc bị cáo đồng thời vi phạm nhiều quy tắc giao thông và gây hậu quả chết người; đồng thời phản ánh đầy đủ chính sách khoan hồng đối với người thành khẩn, tích cực khắc phục hậu quả và được phía bị hại xin giảm nhẹ. Do đó, không cần thiết áp dụng mức 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù như đề nghị của Viện kiểm sát; xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Trần Lâm Kim C yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 100.000.000 đồng, xác nhận đã nhận 20.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục bồi thường 80.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý. Sự thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với các nguyên tắc bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm quy định tại các Điều 584, 585, 586 và 591 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 59Y1-956.58, kết quả xác minh và giấy tờ đăng ký xác định bà Nguyễn Thị Như L là chủ sở hữu; bà L không giao xe cho bị cáo sử dụng, không biết và không có lỗi trong việc bị cáo tự ý lấy xe gây tai nạn.

Đối với xe mô tô biển số 52T6-9006, người đứng tên đăng ký đã bán xe từ lâu, không còn quản lý; tài liệu xác minh và lời khai xác định ông Trần Văn T là người mua lại, quản lý và sử dụng thực tế, bà Trần Lâm Kim C là thân nhân nhận lại tài sản, không có tranh chấp.

Hai phương tiện đã được giám định số khung, số máy; không phát hiện dấu hiệu cắt, hàn, mài, đục, số khung và số máy không thay đổi. Cơ quan Cảnh sát điều tra căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả xe 59Y1-956.58 cho bà Nguyễn Thị Như L và trả xe 52T6-9006 cho bà Trần Lâm Kim C là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền, bảo đảm quyền sở hữu, quản lý hợp pháp của người có quyền nhận; những người nhận tài sản không khiếu nại nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ bồi thường còn phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, 2024, 2025)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/12/2025.

- Căn cứ vào Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Đức N 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm thi hành án.

- Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 591 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Ghi nhận gia đình bị cáo Nguyễn Đức N đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức N tiếp tục bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã trả xe mô tô biển số 59Y1-956.58 cho bà Nguyễn Thị Như L và trả xe mô tô biển số 52T6-9006 cho bà Trần Lâm Kim C.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Đức N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.000.000 (bốn triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ vào các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8;
- Phòng Thi hành án khu vực 8;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Phòng PV06 Công an TP.Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu: VT, THAHS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Trang